

PHẬT THUYẾT THẬP THIÊN NGHIỆP ĐẠO KINH GIẢNG GIẢI

Chủ giảng: HT Tịnh Không

Chuyển ngữ: Thích Nữ Huệ Hạnh

Giọng đọc: NSUT Phú Thăng

Bài số 48

(Trong bài giọng nam là lời giảng của HT, giọng nữ là những chú giải thêm.

Hôm qua chúng ta đang nghe đến kinh văn 54:

Kinh văn 54: “Chỉ trang nghiêm cố, tất năng địch trừ nhất thiết kiết sử. Quán trang nghiêm cố, năng như thật tri chư pháp tự tánh”

(nghĩa là: Dùng chỉ trang nghiêm có thể dứt trừ tất cả phiền não; Dùng quán trang nghiêm có thể biết được tự tánh của các pháp đúng như thật).

Chúng ta đang nghe HT giảng về chỉ quán. “Chỉ Quán” cũng gọi là “Định Huệ”, trong đó định là chỉ, tuệ là quán;

Mục đích cuối cùng của Phật pháp là giải thoát: giải là cởi bỏ, thoát là siêu thoát lục đạo luân hồi. Cởi bỏ cái gì? Cởi bỏ tất cả mọi phiền não chính là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước.

Làm sao để cởi bỏ được tất cả phiền não? Phương pháp chỉ quán có thể đoạn trừ phiền não: “chỉ” có thể chế phục phiền não; còn đoạn phiền não thì phải quán.

Chúng ta phải tìm cho ra gốc rễ của phiền não để phá trừ, đó chính là quán

Gốc rễ của tất cả phiền não chính là tâm, tức là khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm còn có gốc rễ, đó là tự tư tự lợi. Cho nên nếu không thể buông bỏ tự tư tự lợi thì xem như ngay cửa đầu tiên đã không phá được.

Bây giờ chúng ta nghe Ht giảng tiếp:

Chúng ta đời đời kiếp kiếp bị những “tự tư tự lợi”, vọng tưởng, chấp trước theo hại, vậy phải làm thế nào để phá cửa này? Nhất định phải phá sạch ngã, ngã sở, cũng chính là buông bỏ.

Trước kia Đại sư Chương Gia dạy tôi trước tiên ra tay phải bắt đầu từ “ngã sở”. Ngã sở là cái mà ta có, những vật ngoài thân là cái phải buông bỏ trước tiên. Chúng ta hãy thường nghĩ đến lời Phật dạy “**Vạn ban tương bất khứ, duy hựu nghiệp tùy thân**” (tức là “Muôn vật không mang theo được gì, chỉ có nghiệp theo mình). “Tương bất khứ” nghĩa là không thể mang theo, những thứ không thể mang theo thì phải buông xả. Nhà cửa của ta, của cải của ta, địa vị của ta, danh tiếng lợi dưỡng của ta, chết rồi không thứ gì có thể mang theo. Quyển thuộc của ta, con cái của ta, con cháu của ta, cả thầy đều không mang theo được. Không mang theo được thì buông xả. Buông xả không có nghĩa là vô trách nhiệm, chúng ta vẫn phải có trách nhiệm, cố gắng dạy dỗ con cháu nhưng không chấp trước tình cảm trong tâm mà

phải để tâm thanh tịnh, biến thân tình thành trí huệ chân thật, chuyển tình cảm thành lý trí, trong tâm không mây may vướng bận thì giống Phật, Bồ tát rồi. Cứ bắt đầu từ chỗ này mà thực hành vậy.

Sau đó tiến thêm một bước, xả bỏ luôn cả “Ngã”, thân này không thể mang theo, thân này không phải là ta, thân này cũng là “Ngã sở”. Thường xuyên quán tưởng như vậy tự ắt thường sinh trí huệ. “Ngã” và “Ngã sở” đều buông bỏ hết thấy, chấp trước cũng không còn, có vậy mới có thể nhập môn.

Vào cửa Đại thừa là quả vị Bồ tát sơ tín, vào cửa Tiểu thừa là sơ quả Tu Đà Hoàn. Nếu chúng ta không thể buông xả, thì vĩnh viễn không khế nhập cảnh giới, vĩnh viễn làm phàm phu. Cả đời học Phật, mà theo cách nói của Đại sư Thiên Thai là *“danh tự vị trung nhân” (Trung nhân tức là chỉ người trung thực, có tâm ảnh hưởng và được tôn kính trong XH. Danh tự vị tức là chỉ cho có danh là trung nhân thôi, chứ không phải là trung nhân thực)*, tức hữu danh vô thực, vẫn còn tâm luân hồi tạo nghiệp luân hồi. Trong lục đạo nhân thiện thì cảm quả báo ba đường thiện, nhân ác cảm quả báo ba đường ác, không ra khỏi luân hồi lục đạo, không mây may thành tựu. Ra khỏi luân hồi lục đạo đến pháp giới Tứ thánh mới tính là Tiểu quả. Thịnh Văn, Duyên Giác, Bồ tát, Phật của mười pháp giới là Tiểu quả. Lìa khổ được vui, lìa khổ Tam giới, đắc cái vui pháp giới Tứ thánh, cái vui này không phải cứu cánh nên phải nâng lên cao thêm. Từ “Tương tự vị” nâng lên “Phân chứng vị” thì mới coi là thật sự thành tựu, chứng đắc đại quả đến quả vị Như Lai chính là quả vị cứu cánh viên mãn. Nếu không ngừng nâng cao thêm, không ngừng buông bỏ, buông bỏ chính là

nâng cao thêm, nhìn thấu giúp buông bỏ, buông bỏ giúp nhìn thấu. Cho nên, trước hết là chúng ta phải chế phục phiền não, tiếp sau mới đoạn phiền não.

Ý nghĩa của “Chỉ Quán” sâu xa vô bờ. Kinh điển nói “*Pháp tánh tịch nhiên là chỉ, pháp tánh thường chiếu là quán*”, “Tịch mà thường chiếu, chiếu mà thường tịch”. Từ đó cho thấy chỉ với quán chỉ là một. “Chiếu mà thường tịch” thì quán tức là chỉ. “Tịch mà thường chiếu” thì chỉ tức là quán. Chỉ quán là nhất thể có hai mặt của công phu tu hành. Đại sư Tăng Triệu nói “*Buộc tâm ở duyên gọi là chỉ, phân biệt rõ ràng gọi là quán*”. Lấy mười thiện nghiệp mà nói thì duyên chính là mười điều thiện, niệm niệm không lìa mười thiện là chỉ, còn Nho giáo gọi là “*chỉ ư chí thiện*”.

Sách Đại Học có câu: “*Đại học chi đạo, tại minh minh đức, tại thân dân, tại chỉ ư chí thiện*”

(Minh minh đức Nghĩa là: Làm sáng cái đức sáng của bản thân; Thân dân là làm mới cho dân - ngụ ý sau khi tự sửa mình thành tựu lại đứng ra giúp cho người cải cách, bỏ xấu theo tốt; có khi viết là “thân dân”, nghĩa là gần gũi thương yêu với người dân; và cuối cùng là chỉ ư chí thiện, là chỉ dừng ở nơi chí thiện).

Đây là tổng cương lĩnh đạo lớn của Khổng Mạnh. Một đời các vị ấy tự thực hành giáo hóa người khác không lìa nguyên tắc này. “Minh minh đức” là quán; “thân dân”, “chỉ ư chí thiện” là chỉ.

Vậy nên mới có câu “*Tri chỉ nhi hậu hữu định*”
(nghĩa là Biết chỗ dừng, rồi mới có thể định):

“Định” là tâm thanh tịnh hiện tiền, cảnh giới thiền định hiện tiền. Vì sao tâm ta lại loạn vậy? Sao lại không thể định được? Vì chúng ta không biết dừng và cũng không biết dừng ở đâu. Trí giả Nho giáo có định công, dù học nhưng chưa tiếp xúc cũng chưa từng học thiền định. Vậy định công ấy từ đâu mà có? Vì họ biết dừng, biết dừng ở chí Thiện “chỉ ư chí thiện”. “Chí thiện” chính là “minh minh đức”. “Minh minh đức” của Nho giáo và “Minh tâm kiến tánh” của Phật giáo vô cùng giống nhau.

Chúng ta tu học nên dừng ở chỗ nào? Thông thường đồng tu đều nói nên dừng ở thánh hiệu A Di Đà. Nói vậy có sai không? Không sai nhưng chưa viên mãn, vì chúng ta chưa thông hiểu rõ ràng danh hiệu A Di Đà. Nếu chúng ta thông hiểu thấu triệt danh hiệu A Di Đà rồi thì dừng lại ở danh hiệu A Di Đà mới là đại viên mãn. Phật A Di Đà có 48 đại nguyện, danh hiệu A Di Đà là nguyện thứ 18 trong 48 nguyện, nguyện thứ 18 bao hàm rất viên mãn 47 nguyện khác, thiếu một nguyện thì nguyện thứ 18 không viên mãn. Vậy nền tảng của 48 nguyện gì? Là Kinh Đại thừa Vô Lượng Thọ. Nói cách khác, rời Kinh Vô Lượng Thọ thì 48 nguyện thành trống rỗng. Kết cấu của toàn bộ kinh Vô Lượng Thọ ở đâu? Ở Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm. Nhờ đó ta mới biết được công đức của câu danh hiệu này là bất khả tư nghị. Danh hiệu một câu này bao gồm tất cả thiện pháp của pháp thế xuất thế gian ở trong đó, nên tôi mới nói chúng ta chấp trì danh hiệu không viên mãn. Đạo lý là ở chỗ này.

Chấp trì danh hiệu ở mức thấp nhất là ta phải vận dụng thực tiễn đoạn mười ác nghiệp, tu mười thiện nghiệp, có vậy niệm Phật mới sanh tác dụng; bằng như không đoạn ác

tu thiện thì niệm Phật cũng như không, như lời xưa nói “*rất hòng đau cổ cũng uống công*”. Tại sao có người niệm Phật hiệu quả, có người niệm Phật cả đời mà vẫn phải lưu chuyển theo nghiệp? Mấu chốt ở “biết” với “không biết”. “Biết”, nói thật ra rất đơn giản, là hoàn toàn dùng mười thiện mà đối nhân tiếp vật, cố gắng tu mười thiện, đoạn mười ác thì niệm một câu danh hiệu khẳng định vãng sanh.

Trong Kinh Vô Lượng Thọ, Thế Tôn tán thán Đức Phật A Di Đà là “*quang trung cực tôn, Phật trung chi vương*” nên có thể nói Phật A Di Đà là người đại thiện đứng đầu thế xuất thế gian. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tán thán như vậy nhưng thực tế Ngài đại diện cho mười phương tất cả chư Phật cùng tán thán. Tâm hạnh chúng ta không thiện sao tương ứng với Phật A Di Đà được? Chúng ta niệm một câu “A Di Đà Phật” nhưng không tương ứng, nên niệm không hiệu quả, những người niệm có hiệu quả nếu ta quán sát tỉ mỉ thì ấy là người có tâm địa, hành vi lương thiện. Như thế mới có thể vãng sanh.

Niệm Phật thật sự có công phu không, một phút cuối cùng là hoàn toàn hiển lộ ra hết. Chúng ta sống ở thế gian dùng đủ cách tinh vi để che lấp nhằm dối người gạt đời, mọi người cứ thế gọi ta là người thiện. Chúng ta tuy có tiếng tốt, nhưng chưa chắc đã là thật. Phải xem lúc lìa đời chúng ta trải qua thế nào, phút cuối cùng này đâu thể dối người, thật sự có công phu hay không là xem ở chỗ này. Chúng ta ra đi rất tự tại, rất tự nhiên tức chúng ta có công phu thật, còn như lúc lìa đời chúng ta ra đi có bệnh khổ thì chúng ta là giả. Do đó bất luận xuất gia hay tại gia thì công phu tu hành đến phút cuối cùng hoàn toàn hiển lộ ra. Một đời có thể che đậy người, đến giờ phút cuối cũng không thể lừa người.

Cho nên tu hành nhất định phải như lý như pháp. Về lý thì “pháp tánh tịch nhiên” (nghĩa là: Pháp tánh vốn định), “pháp tánh thường chiếu”, hai câu này đều nói rõ tự tánh của chúng ta. “Pháp tánh” vốn không gì không biết, là tự tánh của chúng ta, trí huệ đầy đủ viên mãn. “Thường chiếu” là trí huệ, tự tánh vốn có đủ trí huệ bát nhã. “Tịch nhiên” vốn định, như Kinh Lăng Nghiêm dạy “Thủ Lăng Nghiêm đại định”, đây là Tánh định, không phải do tu mà có, tự tánh vốn như vậy. Đây là chân lý.

(Chú giải:

- **Thủ Lăng Nghiêm:** Theo nghĩa đen, có nghĩa là "Đại Định Kiên Cố". Đây là trạng thái tâm định không lay chuyển, vững chắc như kim cương, không bị dao động bởi các pháp thế gian.
- **Đại Định:** "Đại" ở đây chỉ sự lớn lao, bao la, vô hạn, còn "Định" là chỉ sự định tĩnh, không xao động của tâm.

Kết hợp lại, Thủ Lăng Nghiêm Đại Định là chỉ trạng thái định sâu, kiên cố, giúp người tu hành đạt được sự giác ngộ và trí tuệ tối thượng, giải thoát khỏi luân hồi.

Ý nghĩa trong Kinh Lăng Nghiêm:

- Kinh Lăng Nghiêm mô tả Thủ Lăng Nghiêm Đại Định là trạng thái tâm định tĩnh sâu, kiên cố được xem là mục tiêu tu tập tối thượng của Phật giáo, giúp hành giả đạt được sự giác ngộ và giải thoát.

- *Kinh cũng chỉ ra rằng, muốn đạt được Thủ Lăng Nghiêm Đại Định, hành giả cần phải tu tập và loại bỏ những vọng niệm, phiền não, để trở về với bản tâm thanh tịnh, giác ngộ.*

Muốn tu theo pháp LĂNG NGHIÊM ĐẠI ĐỊNH chúng ta tuyệt đối không dùng đến TÂM THỨC. Vì dùng tâm thức phân biệt để tu đạt đến chơn tâm thường trụ là việc không thể có, hoài công như người nấu cát mong thành cơm.

Phần nhiều người tu hành quan niệm đạt đến trạng thái tĩnh lặng, dứt niệm gọi là đã đắc định, nhưng thật ra vẫn chưa thoát khỏi khuôn khổ của tâm thức. Lúc đạt được như vậy, ngỡ rằng định lực dễ dàng, từ đó, ý niệm dễ duôi, buông lung, đạt được như vậy, thật tiếc vẫn chưa phải là cứu cánh. Đó mới chỉ là giai đoạn sơ khởi chuẩn bị lâu dài cho con đường tu tập của chúng ta. (Lược trích: Tóm tắt yếu chỉ khai ngộ và thực hành kinh Lăng nghiêm – Do Sa môn Huyền Diệu tại Đài Bắc soạn, phỏng dịch Pháp sư THÍCH HUỆ HÙNG - Ghi tại Tu Viện Huệ Quang, ngày mãn hạ. - Năm Kỷ Mùi 1979)

Tự tánh vốn định nhưng hiện nay tại sao không định vậy? Vì hiện nay cái làm chủ chúng ta không phải là tự tánh mà là tâm vọng tưởng, tâm phân biệt, chấp trước. Vọng tâm là vô minh, mà vô minh chính là hồ đồ, không hiểu được chân tướng sự thật. Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là

phiền não, chấp trước là kiến tư phiền não, phân biệt là trần sa phiền não, vọng tưởng là vô minh phiền não.

Phật dạy chúng ta phiền não là hư vọng, trong pháp tánh không có phiền não. Phật nhìn chúng sanh là nhìn vào bản tánh của tất cả chúng sanh, nên Phật tôn trọng tất cả chúng sanh, vì bản tánh chúng sanh và Phật không hai không khác. Kinh Lăng Nghiêm, Kinh Viên Giác đều dạy: **“Tất cả chúng sanh vốn dĩ thành Phật”**. Vậy chúng sanh hiện có phải là Phật không? Trong mắt Đức Phật chúng sanh là Phật, xác thực là Phật, một chút cũng không giả. Từ đâu Đức Phật lại thấy vậy? Từ “căn tánh” của lục căn, vì căn tánh lục căn là thật, còn hiện nay chúng ta biến thành hình dạng như vậy là vì lục thức biến ra. Thức là giả, tánh là thật. Thật thì vĩnh hằng bất biến, vĩnh hằng bất diệt. Luận Trung Quán dạy “Bát bất” (là 8 cái không) để hình dung chân tánh *“không do, không sạch, không thường, không đoạn, không một, không khác, không đến và không đi”*. Đây là chân tánh, là điều chúng sanh ai ai cũng đầy đủ. Đây chính là điều chúng ta phải hồi phục lại.

Làm sao hồi phục lại? Phật dạy chúng ta phải dùng chân tánh không được dùng vọng thức. Chúng ta học được công phu này và chuyển biến được nó thì chúng ta là thượng thượng thiện căn, chúng ta là người viên đôn căn, không cần phải trải qua nhiều tầng thứ, một đời liền có thể chứng đắc pháp thân Đại sĩ.

Đạo lý và phương pháp này Thế Tôn đã dạy rõ trong Kinh Lăng Nghiêm. Cũng trong Lăng Nghiêm Kinh Chánh Mạch, pháp sư Giao Quang trong bài tụng có một câu chuyện thế này: “Thọ mạng của Ngài đến rồi, Phật A Di Đà đến

tiếp dẫn Ngài vãng sanh, Ngài nói với Phật A Di Đà rằng: từ xưa đến nay khi Kinh Lăng Nghiêm truyền vào Trung Quốc thì những chú giải trong Kinh đều chưa thật sự làm hiển lộ ý nghĩa của Phật Đà, nên Ngài muốn làm lại phần chú giải ấy. Thế là Ngài xin Phật A Di Đà cho phép Ngài chú giải xong bộ Kinh rồi hãy vãng sanh, Phật A Di Đà đồng ý liền đi.

Quả thực là phương pháp tu hành mà Pháp sư đưa ra khác với phương pháp của đại đức xưa. Ngài nhất định chủ trương “*Xả thức dụng căn*”, đây là phương pháp cao, một đời liền chuyển được ngay. Nói cách khác phương pháp này dạy chúng ta đối người xử sự, tiếp vật trong cuộc sống thường ngày không được dùng tám thức mà phải trực tiếp dùng căn tánh. Mắt chúng ta nhìn, phải dùng tánh thấy để thấy sắc tánh; tai chúng ta nghe phải dùng tánh nghe để nghe tiếng thì lập tức liền minh tâm kiến tánh, từ quả địa phàm phu một mạch thẳng lên là Pháp thân Đại sĩ; vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của chúng ta thấy đều không còn. Đây là ý nghĩa thật sự mà Đức Phật đã dạy trên hội Lăng Nghiêm, nhưng không mấy ai tu thành công, vì “xả thức” mà “thức” xả không hết, “dụng căn” mà “căn” thì không biết dùng, nên không thể tu thành Pháp thân Đại sĩ.

“**Tri chỉ**” (là biết chỗ dùng) rất quan trọng, không chỉ chứng quả khai ngộ của xuất thế gian mà ngay cả phước báo trời người cõi thế gian đều lấy điều này làm nền tảng. Nên nói nếu người không “tri chỉ” pháp thế xuất thế gian đều không có thành tựu. Giả sử đời trước ta tích lũy được nhiều phước báo nên đời này người thế gian gọi là “đắc chí”, tức có thể đạt được vinh hoa phú quý, nhưng thật ra sanh mạng con người thật sự hết sức ngắn ngủi, trong đời

này đem phước báo tích lũy nhiều đời được đều tiêu hao hết sạch, không những bản thân sau chết đọa ác đạo, con cháu của chúng ta, theo cách nói của người thế gian là sẽ rơi vào cảnh “nhà tan cửa nát”, thậm chí con cháu đều đoạn tuyệt. Nguyên nhân do đâu? Do không “tri chỉ” (nghĩa là không biết chỗ dừng). Cho nên “tri chỉ” quan trọng hơn bất cứ thứ gì là vì vậy.

“Chỉ trang nghiêm cố” (Nghĩa là: Vì trang nghiêm bằng pháp Chỉ). “Trang nghiêm” ở đây là tu được hoàn hảo, được như pháp, “chỉ nhất thiết ác” (là: dừng tất cả ác), đây là tiêu cực, còn tích cực là “tu nhất thiết thiện” (là: tu tất cả thiện). Phải “chỉ ác tu thiện” (là đoạn ác tu thiện) mới có thể đoạn sạch tất cả phiền não.

“Kiết sử” là một cách gọi khác của phiền não. Cho nên con người nếu không “chỉ ác”, hướng thiện thì tiền đồ chỉ một màu đen tối, mà tiêu chuẩn của thiện đều lấy Kinh này làm tiêu chuẩn. “Chỉ ác” là nhất định phải dừng mười điều ác, tu mười điều thiện. Sau cùng bốn Kinh đã dẫn dụng khái quát toàn bộ Phật Pháp. Toàn bộ Phật Pháp đều lấy “mười điều thiện” làm nền tảng, hay nói cách khác là lấy “đoạn ác tu thiện” làm nền tảng. Phước báo trời người của thế gian cũng là lấy điều này làm nền tảng. Từ đó mới biết, mới thấy tính quan trọng của việc này vậy.

“Chỉ” nghĩa là buông bỏ, ở địa vị phàm phu, tôi thường nói là phải buông bỏ tự tư tự lợi, đây là nói khái quát. Phiền não nghiêm trọng nhất của phàm phu chúng ta ngày nay có hai điều: một là tài và hai là sắc. Không buông bỏ được hai thứ này không chỉ đạo nghiệp không thể thành

tự mà đến cả phước báo thế gian cũng không cách nào tích lũy được, tích lũy công đức làm không được.

Chúng ta quán sát kỹ, các Tổ sư Đại đức như Đại sư Ấn Quang, Lão Hòa Thượng Hư Vân, họ chính thực là tấm gương sáng cho chúng ta. Đại sư Ấn Quang cả đời không làm trụ trì, lãnh đạo, trước kia khi chưa có danh tiếng gì, Ngài ở Tàng Kinh Các thuộc Phổ Đà Sơn trong suốt 30 năm phục vụ, làm công việc quản thủ cho Tàng Kinh Các. Lão Pháp sư có nền tảng quốc học rất tốt, lại thêm thời gian dài ở Tàng Kinh Các lâu, như vậy thì giống như bé quan.

(Chú giải: “bé quan” là đóng cửa không thông thương với bên ngoài, Trong Phật giáo có nghĩa là đóng cửa tâm (đồng nghĩa với đóng sáu giác quan) lại để tu tập thiền định. Bé quan không có nghĩa là bỏ qua, trốn tránh những việc làm thế gian hàng ngày. Bé quan thật sự là không để cho những việc thế tục vương vấn tịnh tâm, làm việc nhưng không phụ thuộc vào kết quả).

Tâm định lại thì *thâm nhập Kinh tạng*” và quả báo chính là *“trí huệ như hải”*. Sau khi rời Phổ Đà Sơn, rất nhiều nơi mời Ngài làm trụ trì, Ngài nhường lại và giới thiệu cho người khác còn bản thân chỉ là một thanh chúng trong chùa, nhưng mọi người đều vô cùng kính trọng Ngài, nghe giáo huấn của Ngài. Cả đời Ngài làm thanh chúng, không quản việc, toàn bộ cúng dường của thập phương đều làm bố thí pháp. Ngài thành lập một “Hoằng Hóa Xã”, đây là nơi lưu thông Kinh Phật của hiện nay, toàn tâm toàn lực thực hành pháp bố thí và cả đời chỉ làm một việc này. Thỉnh thoảng Ngài cũng làm việc từ thiện cứu tế. Tiền cứu tế lấy từ đâu ra? Trích từ khoản in Kinh để làm từ thiện. Chúng ta

có thể đọc thấy việc này trong Thượng Hải Hộ Quốc Túc Tai Pháp Hội Pháp Ngữ. Cách làm những việc này đều là giáo huấn hậu học, bất kể làm việc gì phải chuyên nhất mới gặt được thành tựu.

Tôi được thành tựu như ngày nay cũng nhờ vào phước ân của đại sư. Tôi là người cùng mạch truyền thừa với Ngài. Lão cư sĩ Lý Bình Nam nhận truyền pháp của Ngài và ở Đài Trung hơn 30 năm y giáo phụng hành. Thầy Lý ở Đài Trung kiến lập Liên xã, thư viện Từ Quang, cũng đã làm không ít việc, hoàn toàn tuân theo giáo huấn của Đại sư. Tôi là truyền nhân của thầy Lý, tôi ở dưới hội của Thầy 10 năm, chân thật dốc lực vào hai câu “*Nhất môn thâm nhập, chí thành cảm thông*”, cả đời thọ dụng không hết. Tôi một đời này sống trong thế giới cảm ân. Cho nên, chúng ta nhận được phước ân từ Tổ sư Ấn Quang, chúng ta phải đem đức giáo của Tổ sư truyền cho người sau, hy vọng đời đời đều có truyền nhân.

Chúng ta hiểu được “chỉ”, cũng hiểu được “quán”. “Quán” là nhìn thấu, “chỉ” là buông bỏ. Chúng ta sinh trong xã hội động loạn này, nhất định học theo Tổ sư, cảnh giác cao như vậy, thường nghĩ ta sắp chết, bất cứ khi nào, ở đâu đều có thể chết. Ta thử ngẫm xem khi chết rồi, ở thế gian này ta mang theo được thứ gì? Phàm đều không mang theo được, cùng lắm là có một sự sắp xếp thỏa đáng, truyền cho đời sau, rồi đời đời lại truyền tiếp nhau, cho nên không được mảy may có tâm tham, có một chút tâm tham là sai rồi.

Khi xưa giảng Kinh, tôi cũng đã nói qua nhiều lần. Trước 40 tuổi phải dụng công nỗ lực học tập, dù xuất gia

rồi. Người xuất gia thì chỉ có hai việc: một là hoằng pháp và một là hộ pháp. Người có thiên phận, có khả năng thì học giảng Kinh. Người học giảng Kinh cả một đời làm thanh chúng; không đảm nhiệm bất kỳ chấp sự gì trong đạo tràng, chỉ chuyên tâm vào Kinh giáo để giáo hóa chúng sanh. Thứ hai là người không có điều kiện giảng kinh thì phát tâm hộ pháp, đảm đang chấp sự thường trụ, làm nội hộ, hiệp trợ đồng tu giảng Kinh. Hoằng pháp và hộ pháp chỉ là một thể. Tôi lấy ví dụ như cái đồng hồ vậy, người hoằng pháp là cây kim trên mặt đồng hồ, người hộ pháp là máy móc bên trong, thiếu một trong hai thứ ấy thì đồng hồ không thể hoạt động được.

Nếu người hoằng pháp đổ kỵ người hộ pháp người hộ pháp đổ kỵ người hoằng pháp thì đạo tràng này liền hỏng rồi. Bất luận là hoằng pháp hay hộ pháp thì tâm lượng đều phải lớn, “*Tâm bao thái hư, lượng khắp pháp giới*”. Phỉ báng hay tán thán là chuyện bên ngoài, là cách nhìn người thế gian, là quan niệm thế tục. Chúng ta là người giác ngộ, cách nhìn, cách nghĩ không giống họ, do đó người hộ pháp nghe đại chúng tán thán người hoằng pháp thì nên hoan hỷ, không chút tâm đổ kỵ, lại càng ái hộ họ, càng hộ trì họ. Người hoằng pháp nghe đại chúng tán thán trụ trì, chấp sự, cũng nhất quyết không sanh tâm đổ kỵ, phải biết tất cả đại chúng hoàn toàn là một thể.

“Năng như thật tri” (là nên có thể chân thật nhận biết). **“Như thật”** là “chân thật” “thật tri” là biết được, tức là “chân thật biết được”.

“Chư pháp tự tánh” (là tự tánh của các pháp) chính là thật tướng các pháp. Toàn bộ đều thực tiễn trong đoạn ác

